

Số: /KH-UBND Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH

**Triển khai Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2026 của
Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia
giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn thành phố Đồng Nai**

Căn cứ Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026-2035 (viết tắt là Quyết định số 876/QĐ-TTg).

Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện kịp thời, cụ thể hóa chiến lược tiêu chuẩn quốc gia theo Quyết định số 876/QĐ-TTg trên địa bàn thành phố.
- Thúc đẩy để tiêu chuẩn trở thành động lực đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển bền vững.
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn áp dụng TCVN nhằm nâng cao nhận thức của xã hội và thúc đẩy việc áp dụng tiêu chuẩn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiếp cận và áp dụng tiêu chuẩn để nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh.
- Phát triển mạng lưới tư vấn tiêu chuẩn tại địa phương để giúp doanh nghiệp lồng ghép các yêu cầu kỹ thuật vào chiến lược kinh doanh.
- Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức xã hội trong xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức xây dựng, rà soát và áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) trên địa bàn thành phố phải đảm bảo gắn liền với các yêu cầu về quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng nhu cầu thực tế của các doanh nghiệp.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường; xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong công tác triển khai, kiểm tra và giám sát việc thực thi pháp luật về tiêu chuẩn.

- Bố trí nguồn lực và lồng ghép các chương trình, nhiệm vụ liên quan để triển khai hiệu quả các nội dung của Kế hoạch theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Giai đoạn đến năm 2030

a) Nâng cao mức độ áp dụng và hiệu quả thực thi tiêu chuẩn

- Phấn đấu tăng tỷ lệ sản phẩm, hàng hóa chủ lực, sản phẩm OCOP của thành phố được cấp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đóng góp thiết thực vào mục tiêu đạt 50.000 chứng nhận/năm của cả nước nhằm nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp trong thành phố.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề và các trường đại học/cao đẳng trên địa bàn thành phố tham gia đóng góp ý kiến, đề xuất nhu cầu thực tiễn trong quá trình xây dựng các TCVN mới.

- Triển khai chương trình hỗ trợ tối thiểu 500 doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tiếp cận và áp dụng TCVN thông qua các cơ chế hỗ trợ tài chính, đào tạo tại chỗ và tư vấn theo ngành.

b) Phát triển nguồn nhân lực và đội ngũ chuyên gia tại địa phương

- Phấn đấu đào tạo 10 chuyên gia đủ năng lực tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tham gia các Ban tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia và hướng tới tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc tế.

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về tiêu chuẩn hóa cho ít nhất 500 lượt công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm.

- Phối hợp với các trường đại học, cao đẳng và cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố để tích hợp nội dung về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng vào chương trình giảng dạy cho khối ngành kỹ thuật, công nghệ và kinh tế.

c) Thúc đẩy áp dụng tiêu chuẩn trong các lĩnh vực ưu tiên và công nghệ mới

- Chủ động hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp địa phương áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia về công nghệ số (AI, IoT, Big Data) và an toàn thông tin để phục vụ lộ trình chuyển đổi số của thành phố.

- Thúc đẩy áp dụng các tiêu chuẩn phục vụ chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn và sản xuất bền vững cho các khu công nghiệp và ngành hàng xuất khẩu trọng điểm của thành phố.

- Định kỳ rà soát, tổng hợp các vướng mắc và nhu cầu từ thị trường địa phương để kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng hoặc cập nhật các TCVN phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh của thành phố.

d) Đưa TCVN trở thành công cụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố

- Thực hiện mục tiêu lồng ghép các yêu cầu về tiêu chuẩn trong ít nhất 50% các chiến lược, quy hoạch và chương trình phát triển ngành, lĩnh vực của thành phố để tạo động lực tăng trưởng bền vững.

- Tăng cường sử dụng TCVN làm căn cứ kỹ thuật trong hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm, cấp phép, đấu thầu và mua sắm công bằng ngân sách địa phương.

- Chủ động ký kết và triển khai các chương trình hợp tác về tiêu chuẩn hóa với các tổ chức, địa phương quốc tế có quan hệ hợp tác song phương với thành phố để hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập.

đ) Hỗ trợ minh bạch hóa và vượt rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT)

- Bảo đảm 100% nghĩa vụ thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại theo cam kết WTO/TBT, EVFTA và CPTPP được thực thi đúng hạn.

- Tổ chức các chương trình tư vấn, phân tích tác động của các tiêu chuẩn quốc tế đối với các mặt hàng xuất khẩu thế mạnh của thành phố, giúp doanh nghiệp chủ động chuẩn bị và vượt qua các rào cản kỹ thuật thương mại.

2. Giai đoạn đến năm 2035

a) Đảm bảo ít nhất 70% các chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình phát triển ngành, lĩnh vực của thành phố có nội dung lồng ghép các yêu cầu liên quan đến tiêu chuẩn quốc gia (TCVN).

b) Phần đầu tăng tỷ lệ sản phẩm, hàng hóa chủ lực và sản phẩm OCOP của thành phố được cấp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đóng góp vào mục tiêu đạt 70.000 chứng nhận/năm của cả nước.

c) Hướng dẫn các doanh nghiệp áp dụng 30% TCVN mới được xây dựng trong giai đoạn phục vụ các lĩnh vực công nghệ mới đặc biệt là công nghệ chiến lược, kinh tế số, kinh tế xanh và phát triển bền vững.

d) Phần đầu 10% các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp thành phố có kết quả đầu ra góp phần hình thành hoặc ứng dụng các tiêu chuẩn quốc gia mới.

đ) Tăng cường sử dụng TCVN làm cơ sở kỹ thuật trong kiểm tra chất lượng sản phẩm, hoạt động cấp phép, đấu thầu và mua sắm công trên địa bàn thành phố.

e) Triển khai hiệu quả chương trình hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tiếp cận TCVN thông qua các cơ chế như hỗ trợ tài chính (voucher tiêu chuẩn), hỗ trợ tư vấn và đào tạo.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và hạ tầng hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn

a) Nhóm cơ chế, chính sách và thực thi pháp luật

- Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các văn bản hướng dẫn, cơ chế chính sách của thành phố nhằm thúc đẩy việc áp dụng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và quy chuẩn kỹ thuật địa phương phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Bảo đảm tính thống nhất và lồng ghép các yêu cầu về tiêu chuẩn vào các công cụ quản lý nhà nước tại địa phương như: đấu thầu, mua sắm công, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp và các kế hoạch phát triển ngành trọng điểm của thành phố.

b) Khai thác hạ tầng số và cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn hóa tại địa phương

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc vận hành và khai thác hiệu quả phân hệ địa phương trên nền tảng số quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng. Hướng dẫn các cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp trên địa bàn tham gia vào vòng đời tiêu chuẩn (từ đề xuất nhu cầu đến tra cứu, áp dụng) thông qua nền tảng này.

- Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về các quy chuẩn kỹ thuật địa phương và danh mục các TCVN áp dụng cho sản phẩm chủ lực của thành phố. Đảm bảo khả năng chia sẻ, liên thông dữ liệu với hệ thống quốc gia để hỗ trợ cơ quan quản lý và doanh nghiệp tiếp cận thông tin kịp thời.

- Thúc đẩy ứng dụng các công cụ số, trí tuệ nhân tạo (được tích hợp trên nền tảng quốc gia) để hỗ trợ doanh nghiệp trong thành phố phân tích thông tin tiêu chuẩn, giúp việc tra cứu và áp dụng tiêu chuẩn vào sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao.

- Triển khai lộ trình chuyển đổi hệ thống TCVN sang định dạng có thể đọc được bằng máy theo chuẩn SMART Standards của IEC/ISO: giai đoạn 2026 - 2028 phối hợp thực hiện thí điểm áp dụng các TCVN định dạng có thể đọc được bằng máy (machine-readable) cho các doanh nghiệp thuộc ngành xuất khẩu trọng điểm và sản phẩm công nghệ số của thành phố; giai đoạn 2029 - 2035 mở rộng

việc hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng hệ thống tiêu chuẩn thông minh trên toàn địa bàn, đảm bảo sự tương thích với lộ trình chuyển đổi số quốc gia và các yêu cầu từ thị trường quốc tế.

- Tổ chức quản lý và vận hành hệ thống thông tin tiêu chuẩn tại địa phương như một thành phần của hệ sinh thái dữ liệu quốc gia; bảo đảm doanh nghiệp địa phương có thể tiếp cận được cả các dữ liệu từ các tổ chức quốc tế (ISO, IEC, ASEAN) thông qua kết nối liên thông của nền tảng số.

2. Áp dụng TCVN để thúc đẩy đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Thúc đẩy ứng dụng và hướng dẫn áp dụng TCVN phục vụ đổi mới công nghệ

- Chủ động rà soát, xác định các ngành công nghệ ưu tiên của thành phố (như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, robot, công nghệ bán dẫn hoặc công nghệ sinh học tiên tiến...) để hướng dẫn doanh nghiệp trên địa bàn áp dụng các TCVN và tiêu chuẩn quốc tế tương ứng. Mục tiêu là tạo nền tảng kỹ thuật đồng bộ cho các dự án đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp tại địa phương.

- Tổ chức triển khai việc áp dụng tiêu chuẩn gắn liền với phát triển hệ thống đo lường, hoạt động thử nghiệm và chứng nhận của thành phố. Bảo đảm các sản phẩm công nghệ mới tại địa phương có khả năng kiểm chứng và đánh giá sự phù hợp theo các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

b) Thúc đẩy tiêu chuẩn hóa để hỗ trợ đổi mới sáng tạo

- Thực hiện việc lồng ghép yêu cầu về xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn vào các nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố sử dụng ngân sách nhà nước. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tại địa phương chuyển đổi kết quả nghiên cứu, sáng chế thành tiêu chuẩn cơ sở hoặc đề xuất xây dựng thành tiêu chuẩn quốc gia.

- Tăng cường huy động các doanh nghiệp, hiệp hội, trường đại học và các trung tâm đổi mới sáng tạo trên địa bàn tham gia đóng góp ý kiến cho các ban kỹ thuật TCVN quốc gia. Phát triển mạng lưới chuyên gia tư vấn về tiêu chuẩn hóa tại địa phương để hỗ trợ trực tiếp cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo và ứng dụng công nghệ cao.

c) Thực thi hệ thống TCVN phục vụ chuyển đổi số

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn áp dụng các TCVN về chuyển đổi số trong việc xây dựng và vận hành hạ tầng số của thành phố, tập trung vào các lĩnh

vực: dữ liệu mở, hạ tầng mạng, điện toán đám mây và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống chính quyền điện tử.

- Triển khai áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia về khả năng tương tác và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của các sở, ngành và UBND xã, phường. Điều này nhằm đảm bảo tính đồng bộ, liên thông dữ liệu trong phát triển kinh tế số và xã hội số của địa phương, đồng thời kết nối hiệu quả với hạ tầng số quốc gia.

3. Áp dụng TCVN phục vụ phát triển công nghiệp và dịch vụ

a) Hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn cho công nghiệp hiện đại và sản xuất thông minh: Chủ động hướng dẫn doanh nghiệp trên địa bàn áp dụng các hệ thống TCVN nền tảng về công nghệ cao và công nghiệp chiến lược như: trí tuệ nhân tạo (AI), điện tử, công nghiệp vi mạch, robot công nghiệp và năng lượng tái tạo phù hợp với định hướng phát triển của thành phố. Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng tiêu chuẩn để tối ưu hóa chuỗi cung ứng tại chỗ, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp địa phương.

b) Thúc đẩy tiêu chuẩn hóa phục vụ sản xuất bền vững và kinh tế tuần hoàn: Triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp của thành phố áp dụng các quy trình sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm phát thải theo tiêu chuẩn. Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn về kinh tế tuần hoàn và tái chế trong hoạt động sản xuất công nghiệp tại địa phương nhằm bảo vệ môi trường bền vững.

c) Hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn cho hạ tầng công nghiệp và hạ tầng số địa phương: Sử dụng TCVN làm căn cứ kỹ thuật trong việc xây dựng và quản lý hạ tầng các khu công nghiệp hiện đại, hạ tầng thông tin và cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố. Hỗ trợ các đơn vị vận hành hạ tầng số (điện toán đám mây, mạng truyền thông) áp dụng tiêu chuẩn để bảo đảm khả năng tích hợp và liên thông dữ liệu trong chuỗi giá trị của các doanh nghiệp trên địa bàn.

d) Mở rộng áp dụng TCVN trong các ngành dịch vụ trọng điểm của thành phố: Tổ chức hướng dẫn và thúc đẩy áp dụng TCVN trong các ngành dịch vụ thế mạnh của địa phương như: logistics, thương mại điện tử, du lịch, bất động sản và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp. Lấy tiêu chuẩn làm công cụ để nâng cao chất lượng dịch vụ, giúp các doanh nghiệp dịch vụ tại địa phương đáp ứng các yêu cầu và thông lệ quốc tế.

đ) Hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn trong tài chính số và thanh toán không dùng tiền mặt: Phổ biến và hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn áp dụng các tiêu chuẩn về tài chính số và hạ tầng tài chính nhằm tăng cường bảo mật và

quản trị rủi ro. Thúc đẩy phát triển hệ thống thanh toán số an toàn tại địa phương, góp phần bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong các giao dịch điện tử.

e) Gắn kết tiêu chuẩn với thương hiệu sản phẩm và dịch vụ của địa phương: Ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và các dịch vụ đặc trưng của thành phố áp dụng TCVN và tiêu chuẩn quốc tế để xây dựng thương hiệu quốc gia và quốc tế. Sử dụng tiêu chuẩn làm "giấy thông hành" để hỗ trợ các sản phẩm của thành phố tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của thị trường xuất khẩu trọng điểm.

4. Áp dụng TCVN phục vụ phát triển đô thị hiện đại và quản lý xã hội

a) Ứng dụng tiêu chuẩn trong phát triển đô thị thông minh và nâng cao chất lượng sống: Tổ chức áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về quy hoạch, thiết kế và vận hành đô thị thông minh vào các dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố. Hướng dẫn các đơn vị liên quan sử dụng tiêu chuẩn trong việc xây dựng hạ tầng đô thị an toàn, phát triển nền tảng dữ liệu dùng chung và các ứng dụng số phục vụ công tác quản lý đô thị của địa phương.

b) Áp dụng tiêu chuẩn trong hoạt động xây dựng và bảo tồn di sản tại địa phương: Thúc đẩy việc áp dụng các tiêu chuẩn về đánh giá chất lượng nhà ở, cải tạo và nâng cấp các công trình công cộng trên địa bàn thành phố theo hướng hiện đại. Khuyến khích doanh nghiệp và cơ quan quản lý áp dụng công nghệ số trong xây dựng và quản lý tài sản công dựa trên các hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Sử dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật để kết hợp hài hòa giữa việc bảo tồn các di sản văn hóa, lịch sử tại địa phương với yêu cầu phát triển hạ tầng đô thị bền vững.

c) Chuẩn hóa quản trị xã hội và hiện đại hóa hành chính địa phương: Lấy tiêu chuẩn làm công cụ hỗ trợ cải cách thủ tục hành chính, quản lý tài chính công và nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến của thành phố. Áp dụng các tiêu chuẩn về quản lý dữ liệu số và an ninh mạng trong việc vận hành các trung tâm điều hành thông minh (IOC) cấp thành phố và cấp xã; đảm bảo an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân của người dân địa phương trong môi trường số.

5. Áp dụng TCVN phục vụ tăng trưởng xanh và phát triển bền vững

a) Hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn về quản lý khí nhà kính và giảm phát thải: Tổ chức tuyên truyền và hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn áp dụng các TCVN về kiểm kê khí nhà kính cho sản phẩm và hoạt động sản xuất kinh doanh. Thúc đẩy các dự án tại địa phương ứng dụng tiêu chuẩn về sản phẩm carbon thấp và các công nghệ giảm phát thải nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh của thành phố.

b) Thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: Tăng cường phổ biến và triển khai áp dụng các tiêu chuẩn về hiệu suất năng lượng đối với các thiết bị, sản phẩm sử dụng năng lượng trên địa bàn. Hỗ trợ các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất tại địa phương thực hiện kiểm toán năng lượng và dán nhãn năng lượng theo các tiêu chuẩn quốc gia hiện hành.

c) Thúc đẩy áp dụng TCVN về nông nghiệp hữu cơ, sản xuất xanh và kinh tế tuần hoàn đối với các sản phẩm thể mạnh và sản phẩm OCOP của thành phố. Thực hiện lồng ghép các tiêu chuẩn về tiêu dùng thân thiện với môi trường và mua sắm xanh vào các chương trình chi tiêu công và quản lý tài nguyên của địa phương.

d) Áp dụng tiêu chuẩn trong bảo vệ tài nguyên và môi trường: Sử dụng các TCVN làm căn cứ kỹ thuật trong việc quản lý và giám sát sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước và không khí tại địa phương. Tăng cường kiểm soát ô nhiễm và bảo tồn hệ sinh thái tại các khu bảo tồn, khu vực nhạy cảm môi trường của thành phố thông qua việc áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và đa dạng sinh học.

đ) Cung cấp thông tin và hướng dẫn doanh nghiệp trên địa bàn cập nhật các TCVN tương thích với tiêu chuẩn quốc tế và các cam kết về biến đổi khí hậu để đáp ứng yêu cầu của thị trường toàn cầu. Hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu trọng điểm của thành phố tham gia vào chuỗi cung ứng xanh thông qua việc phổ biến các yêu cầu kỹ thuật mới từ các đối tác quốc tế.

e) Triển khai áp dụng hệ thống TCVN phục vụ chuỗi cung ứng có trách nhiệm và yêu cầu ESG (môi trường, xã hội, quản trị) của thị trường quốc tế (TCVN ISO 26000 - trách nhiệm xã hội, TCVN ISO 20400 - mua sắm bền vững, TCVN ISO 14064 - kiểm kê khí nhà kính, TCVN ISO 37001 - quản lý chống hối lộ,...) cho các ngành xuất khẩu trọng điểm; chủ động hỗ trợ doanh nghiệp địa phương chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật để đáp ứng Cơ chế điều chỉnh carbon biên giới (CBAM) và Hộ chiếu số sản phẩm (DPP) của thị trường EU thông qua việc hướng dẫn kiểm kê và báo cáo phát thải theo tiêu chuẩn.

6. Nâng cao mức độ áp dụng TCVN và hiệu quả thực thi các tiêu chuẩn để hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế

a) Thúc đẩy môi trường áp dụng tiêu chuẩn dựa trên nhu cầu thị trường tại địa phương. Chủ động triển khai các cơ chế, chính sách của thành phố nhằm tạo điều kiện cho thị trường và doanh nghiệp trên địa bàn phát huy tính chủ động trong việc áp dụng tiêu chuẩn. Lấy nhu cầu của doanh nghiệp làm trung tâm để

định hướng các hoạt động hỗ trợ về tiêu chuẩn hóa, giúp doanh nghiệp đổi mới và đáp ứng các yêu cầu hội nhập quốc tế.

b) Ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc các ngành kinh tế mũi nhọn, có kim ngạch xuất khẩu lớn và các sản phẩm mang thương hiệu của thành phố tiếp cận và áp dụng các TCVN đã được hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế. Phổ biến và hướng dẫn doanh nghiệp khai thác cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn quốc gia để cập nhật nhanh chóng các yêu cầu kỹ thuật từ các thị trường xuất khẩu trọng điểm.

c) Tăng cường tổ chức các hội thảo, chương trình đào tạo chuyên sâu và dịch vụ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho doanh nghiệp trên địa bàn thành phố. Thường xuyên cung cấp, cập nhật thông tin kỹ thuật từ các thị trường xuất khẩu; khuyến khích và hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng lộ trình áp dụng tiêu chuẩn vào chiến lược sản xuất, kinh doanh và phát triển thương hiệu.

d) Tổ chức hướng dẫn chi tiết cho doanh nghiệp tham gia ứng dụng TCVN, đặc biệt là trong các lĩnh vực: nông sản thực phẩm (sản phẩm OCOP, nông nghiệp công nghệ cao), may mặc, thiết bị điện và công nghệ số. Phối hợp rà soát, nắm bắt các biến động của thị trường và công nghệ để kịp thời kiến nghị cập nhật các tiêu chuẩn phù hợp với thực tiễn sản xuất tại địa phương.

đ) Tăng cường sử dụng TCVN làm cơ sở kỹ thuật cốt lõi trong các hoạt động quản lý của chính quyền địa phương, bao gồm: xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa lưu thông trên địa bàn. Áp dụng nghiêm túc các tiêu chuẩn quốc gia trong hoạt động cấp phép, đấu thầu, mua sắm công bằng ngân sách thành phố và các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị địa phương.

7. Phát triển đội ngũ chuyên gia và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Triển khai chính sách phát triển nguồn nhân lực tiêu chuẩn hóa của thành phố: Cụ thể hóa và triển khai các chính sách phát triển nguồn nhân lực về tiêu chuẩn hóa tại địa phương, tập trung vào các ngành kinh tế trọng điểm và sản phẩm thế mạnh của thành phố. Xây dựng cơ chế khuyến khích các chuyên gia từ các sở, ngành, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trên địa bàn tham gia vào hoạt động tiêu chuẩn hóa quốc gia và quốc tế.

b) Hình thành đội ngũ chuyên gia nòng cốt của địa phương: Phát hiện và bồi dưỡng các chuyên gia tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng từ các tổ chức, doanh nghiệp nòng cốt của thành phố để tham gia vào các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và hướng tới đủ năng lực tham gia các Ban kỹ thuật quốc tế. Xây

dựng và vận hành hiệu quả mạng lưới tư vấn tiêu chuẩn tại địa phương để hỗ trợ doanh nghiệp lồng ghép tiêu chuẩn vào chiến lược kinh doanh.

c) Tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí (từ nguồn ngân sách địa phương hoặc xã hội hóa) cho các chuyên gia, đại diện doanh nghiệp tiêu biểu của thành phố tham gia các khóa đào tạo, hội thảo và diễn đàn tiêu chuẩn hóa quốc tế để bảo vệ và thúc đẩy lợi ích của các ngành hàng địa phương.

d) Nâng cao năng lực thực thi cho bộ máy quản lý nhà nước: Tăng cường tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật cho đội ngũ công chức, viên chức thuộc các Sở, ngành và UBND xã, phường. Bảo đảm đội ngũ cán bộ quản lý địa phương có đủ năng lực để triển khai, kiểm tra và giám sát việc thực thi pháp luật về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm hàng hóa trên địa bàn.

đ) Đa dạng hóa các chương trình phổ biến kiến thức cho doanh nghiệp và xã hội: Tổ chức các chương trình đào tạo, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn phù hợp với trình độ và nhu cầu của các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) và các hợp tác xã trên địa bàn thành phố. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến kiến thức cơ bản về tiêu chuẩn hóa cho cộng đồng và người tiêu dùng tại địa phương nhằm nâng cao nhận thức về chất lượng và an toàn sản phẩm. Phối hợp với các trường đại học, cao đẳng và cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn để lồng ghép nội dung về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng vào chương trình giảng dạy phù hợp với định hướng phát triển nhân lực của thành phố.

8. Thực thi hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) và hỗ trợ minh bạch hóa thông tin

a) Vận hành hiệu quả đầu mối TBT địa phương và phối hợp mạng lưới quốc gia: Duy trì và nâng cao năng lực hoạt động của Điểm thông báo và hỏi đáp TBT của thành phố; bảo đảm phối hợp chặt chẽ với Mạng lưới TBT quốc gia để thực hiện đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ thông báo liên quan đến các quy định kỹ thuật của địa phương theo cam kết WTO/TBT và các Hiệp định thương mại tự do (EVFTA, CPTPP). Chủ động cập nhật và phổ biến các thông tin về rào cản kỹ thuật thương mại từ các đối tác song phương đến cộng đồng doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn thành phố.

b) Tham gia phối hợp với các cơ quan Trung ương trong việc phân tích tác động kỹ thuật của các dự thảo tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và quy chuẩn kỹ thuật (QCKT) đối với các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của địa phương. Đảm bảo quy trình xây dựng các Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCKTĐP) được lồng ghép

đánh giá tác động TBT, tránh tạo ra các rào cản kỹ thuật bất hợp lý gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và lưu thông hàng hóa.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp địa phương nhận diện và vượt qua rào cản kỹ thuật: Khai thác hiệu quả và phổ biến thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia về TBT của các thị trường trọng điểm (EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, ASEAN) cho các doanh nghiệp xuất khẩu trong thành phố. Tổ chức các chương trình tư vấn, đào tạo và cung cấp thông tin kỹ thuật kịp thời để hỗ trợ doanh nghiệp nhận diện, chuẩn bị các điều kiện cần thiết nhằm đáp ứng và vượt qua các rào cản kỹ thuật của thị trường quốc tế. Tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước của thành phố với Điểm hỏi đáp TBT quốc gia và các hiệp hội ngành nghề địa phương trong việc hỗ trợ doanh nghiệp thực thi các yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ lợi ích chính đáng trong thương mại quốc tế.

9. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tiếp cận và áp dụng tiêu chuẩn

a) Triển khai và cụ thể hóa các chương trình hỗ trợ DNNVV trên địa bàn thành phố: Tổ chức triển khai chương trình hỗ trợ DNNVV của thành phố tiếp cận và áp dụng TCVN, trong đó chú trọng vận hành hiệu quả cơ chế hỗ trợ tài chính (như voucher tiêu chuẩn) để hỗ trợ doanh nghiệp chi trả các dịch vụ tư vấn và phí chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn. Hướng dẫn doanh nghiệp truy cập và sử dụng có hiệu quả Cổng thông tin TCVN quốc gia; phối hợp cung cấp các tài liệu hướng dẫn thân thiện, dễ tiếp cận cho các cơ sở sản xuất tại địa phương. Tổ chức các chương trình đào tạo áp dụng tiêu chuẩn tại chỗ, tập trung vào các nhóm ngành sản xuất và dịch vụ trọng điểm của thành phố (như nông sản OCOP, công nghiệp hỗ trợ, du lịch địa phương).

b) Phát triển và vận hành mạng lưới tư vấn tiêu chuẩn tại địa phương: Xây dựng và phát triển mạng lưới tư vấn tiêu chuẩn tại địa bàn thành phố; làm đầu mối kết nối giữa các hiệp hội doanh nghiệp thành phố, phòng thương mại địa phương và các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn. Cử chuyên gia hỗ trợ DNNVV lồng ghép các yêu cầu về tiêu chuẩn vào chiến lược kinh doanh và quy trình phát triển sản phẩm mới nhằm nâng cao năng suất và chất lượng. Tập trung nguồn lực hỗ trợ cho các DNNVV nằm trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các doanh nghiệp có sản phẩm xuất khẩu chủ lực của thành phố.

c) Phổ biến và hỗ trợ tiếp cận TCVN cho cộng đồng doanh nghiệp địa phương: Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, đề xuất các cơ chế đặc thù về miễn hoặc giảm phí truy cập TCVN cho các DNNVV và các hợp tác xã, tổ chức phi lợi nhuận trên địa bàn. Đẩy mạnh việc biên soạn và phổ biến các

tài liệu TCVN dưới dạng tóm tắt kỹ thuật, hướng dẫn thực hành ngắn gọn và các công cụ tự đánh giá phù hợp với năng lực quản trị của DNNVV tại địa phương. Hướng dẫn doanh nghiệp sử dụng các bộ công cụ tự kiểm tra mức độ tuân thủ tiêu chuẩn, giúp doanh nghiệp chủ động trong việc kiểm soát chất lượng sản phẩm trước khi đưa ra thị trường.

10. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho hoạt động tiêu chuẩn hóa

a) Triển khai cơ chế hợp tác công tư (PPP) trong hoạt động tiêu chuẩn hóa tại địa bàn: Phối hợp triển khai khung pháp lý và hướng dẫn của Trung ương về cơ chế hợp tác công tư (PPP) nhằm huy động sự tham gia của các hiệp hội ngành nghề và doanh nghiệp trên địa bàn thành phố trong việc đồng tài trợ xây dựng và áp dụng TCVN cho các lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ và công nghệ thế mạnh của địa phương. UBND thành phố bảo đảm nguồn lực ngân sách địa phương cho các hoạt động xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn phục vụ trực tiếp công tác quản lý nhà nước và lợi ích cộng đồng trên địa bàn.

b) Thu hút và quản lý nguồn lực quốc tế, nguồn vốn ODA cho địa phương: Chủ động xây dựng danh mục các dự án ưu tiên của thành phố cần hỗ trợ quốc tế (như: nâng cấp năng lực các phòng thử nghiệm địa phương, đào tạo chuyên gia chuyên sâu, triển khai SMART Standards cho các ngành hàng xuất khẩu chủ lực) để đề xuất thu hút hỗ trợ kỹ thuật và vốn ODA từ các tổ chức như EU (Quỹ thực thi EVFTA), GIZ, JICA. Lồng ghép các yêu cầu về tiêu chuẩn hóa vào các chương trình hợp tác quốc tế song phương và đa phương của thành phố nhằm nâng cao năng lực kỹ thuật cho doanh nghiệp địa phương.

c) Thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ hiệu quả sử dụng ngân sách địa phương cho các hoạt động tiêu chuẩn hóa. Xây dựng hệ thống chỉ số đo lường tác động của việc áp dụng TCVN đối với thực tế phát triển kinh tế của thành phố, tập trung vào các tiêu chí: năng suất lao động của doanh nghiệp thành phố, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm chủ lực và năng lực cạnh tranh của địa phương.

d) UBND thành phố chủ động bố trí nguồn lực và lồng ghép các chương trình, nhiệm vụ kinh tế - xã hội có liên quan trên địa bàn để triển khai hiệu quả các nội dung của Chiến lược. Việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực kinh phí từ ngân sách nhà nước địa phương và các nguồn hợp pháp khác phải được thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND cấp xã tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch của thành phố về Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia. Tham mưu cho UBND thành phố ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ và các văn bản chỉ đạo nhằm cụ thể hóa Chiến lược phù hợp với thực tiễn địa phương. Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện định kỳ và tổng hợp báo cáo UBND thành phố, Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.

b) Thực hiện quản lý và điều phối thống nhất hoạt động tiêu chuẩn hóa trên địa bàn thành phố theo hướng dẫn chuyên môn của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia. Đảm bảo phát triển hạ tầng chất lượng của địa phương đồng bộ, hiện đại và kết nối thông suốt với hệ thống quốc gia.

c) Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng rà soát nhu cầu và thúc đẩy việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường của thành phố. Đặc biệt chú trọng lồng ghép tiêu chuẩn vào các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và các ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương.

d) Chủ trì tổng hợp nhu cầu kinh phí từ các cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược tại địa phương, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định pháp luật có liên quan.

đ) Hướng dẫn và triển khai cơ chế hợp tác công tư (PPP) trong việc xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và áp dụng TCVN tại các doanh nghiệp trên địa bàn dựa trên khung pháp lý quốc gia. Chủ trì xây dựng danh mục các dự án ưu tiên của thành phố để thu hút hỗ trợ kỹ thuật quốc tế và nguồn vốn ODA phục vụ hoạt động tiêu chuẩn hóa, nâng cao năng lực phòng thử nghiệm tại địa phương.

e) Hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn thành phố tham gia các diễn đàn, hội thảo về tiêu chuẩn hóa; kết nối doanh nghiệp với cơ quan tiêu chuẩn quốc gia để thực hiện các cơ chế đối thoại kỹ thuật. Phát hiện và bồi dưỡng các chuyên gia tiêu chuẩn hóa tại địa phương để tham gia đóng góp vào các Ban kỹ thuật TCVN và các dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc tế.

g) Tổ chức triển khai các chương trình truyền thông về tiêu chuẩn hóa trên địa bàn thành phố phù hợp với từng nhóm đối tượng (doanh nghiệp, người tiêu dùng, công chức). Phối hợp với các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề tại địa phương để lồng ghép nội dung tiêu chuẩn hóa vào chương trình giảng dạy và bồi dưỡng nguồn nhân lực. Biên soạn và phát hành các tài liệu hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn thực tế cho các mô hình sản xuất, kinh doanh đặc thù của thành phố.

2. Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường

a) Lồng ghép các nội dung thực hiện Chiến lược vào chương trình công tác hàng năm trong phạm vi ngành, lĩnh vực hoặc địa bàn được phân công quản lý. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao và tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo UBND thành phố (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) để tổng hợp báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ trong quá trình triển khai các nhiệm vụ chung của thành phố; tổ chức đánh giá định kỳ kết quả thực hiện theo từng nhóm chỉ tiêu được giao. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng năm (trước ngày 20 tháng 11 hàng năm để kịp tiến độ tổng hợp chung của thành phố) và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu; chủ động phản ánh các khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng tiêu chuẩn tại cơ sở để kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

c) Tổ chức rà soát các quy trình quản lý và thúc đẩy việc áp dụng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) vào thực tế ngành và địa phương, đặc biệt gắn với các sản phẩm thể mạnh, sản phẩm OCOP và các dự án đầu tư công. Lấy nhu cầu của doanh nghiệp và hợp tác xã trên địa bàn làm trung tâm để hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm địa phương.

d) Chủ động tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn áp dụng TCVN bằng các hình thức phù hợp với đặc thù của địa phương. Tập trung nâng cao nhận thức cho người dân và hộ kinh doanh về lợi ích của việc tuân thủ tiêu chuẩn trong sản xuất, kinh doanh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

đ) Căn cứ thẩm quyền và quy định pháp luật, chủ động bố trí nguồn lực tài chính từ ngân sách địa phương và lồng ghép vào các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình phát triển ngành, lĩnh vực để triển khai hiệu quả các nội dung của Chiến lược.

3. Liên đoàn Doanh nghiệp, Hội Doanh nhân trẻ và các Hiệp hội ngành hàng trên địa bàn thành phố Đồng Nai

a) Chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc tuyên truyền, phổ biến nội dung Chiến lược đến cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn thành phố. Đóng vai trò là cầu nối để phản hồi, góp ý và phản biện các cơ chế, chính sách của UBND thành phố về hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) trong sản xuất và kinh doanh.

b) Tăng cường cung cấp các dịch vụ tư vấn, đào tạo và hỗ trợ doanh nghiệp hội viên tiếp cận, áp dụng các TCVN, tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn nước ngoài để đáp ứng yêu cầu của các thị trường xuất khẩu trọng điểm. Phối hợp chặt chẽ

với các cơ quan quản lý nhà nước của thành phố trong việc thực hiện các chương trình, đề án nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp địa phương.

c) Chủ động khảo sát, tổng hợp và đề xuất nhu cầu xây dựng tiêu chuẩn dựa trên thực tiễn sản xuất của các ngành, lĩnh vực chủ lực tại Đồng Nai. Khuyến khích và hỗ trợ các chuyên gia từ các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp công nghệ chiến lược trên địa bàn thành phố tham gia vào các Ban kỹ thuật TCVN và đóng góp ý kiến cho các dự án tiêu chuẩn quốc tế. Định hướng doanh nghiệp lồng ghép các yêu cầu về tiêu chuẩn và chuyển đổi xanh vào chiến lược phát triển để tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn thành phố Đồng Nai; Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện cụ thể hóa chiến lược phát triển tiêu chuẩn theo Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBNDTTQVN thành phố và các tổ chức đoàn thể;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Liên đoàn doanh nghiệp thành phố;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng;
- Các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp thành phố;
- Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, TM và DL;
- Lưu: VT, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trường Sơn